

Thực trạng phát triển năng lực tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ của sinh viên cao đẳng giáo dục mầm non, Trường Đại học Tiền Giang trong quá trình thực hành sư phạm ở trường mầm non

Phùng Thị Hà*

*Trường Đại học Tiền Giang

Received: 6/01/2024; Accepted: 13/01/2024; Published: 19/01/2024

Abstract: The author uses scientific survey methods to understand the current status of the capacity of students of Tien Giang University to organize fun activities for children in the process of pedagogical practice in preschool. From there, analyzing the judgments of kindergarten teachers about students' ability to organize fun activities when conducting on children, thereby initially assessing students' ability to practice their profession during this time.

Keywords: Capacity, organization, fun activities, college students of early childhood education.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay có sự chuyển hướng trong các trường Sư phạm, chuyển từ chú trọng nhiệm vụ truyền đạt kiến thức và rèn luyện kỹ năng (KN) sang chú trọng nhiệm vụ phát triển năng lực cho người học. Chính vì thế, việc phát triển năng lực cho sinh viên (SV) ngành sư phạm được quan tâm và thực hiện phát triển chương trình đào tạo trong các ngành Sư phạm theo hướng phát triển năng lực, ngành Sư phạm Giáo dục mầm non (GDMN) không nằm ngoài định hướng trên. Chương trình đào tạo ngành GDMN của Trường Đại học Tiền Giang [1], chú trọng trong xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra, cùng hệ thống các học phần hướng đến rèn luyện, phát triển năng lực, trong đó việc phát triển năng lực TC HĐVC của SV là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo.

Vấn đề tổ chức hoạt động vui chơi (TC HĐVC) cho trẻ ở trường Mầm non được nghiên cứu ở nước ta dưới những góc độ khác nhau, nhưng còn ít những nghiên cứu về năng lực tổ chức của SV chuẩn bị tốt nghiệp [2, 3]. Do đó, việc đánh giá thực trạng các vấn đề về năng lực TC HĐVC chưa được xem xét thấu đáo.

Mặt khác, việc đào tạo dựa vào năng lực phụ thuộc vào cả hai quá trình: được giáo dục và tự rèn luyện của SV trong suốt quá trình học tập. Tức là, hiệu quả thực hành TC HĐVC phụ thuộc vào cả hai quá trình này. Do đó chúng tôi tiến hành khảo sát năng lực TC HĐVC của SV trong thời gian thực hành sư phạm tại trường mầm non.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các điều kiện phát triển năng lực tổ chức hoạt động vui chơi của SV ngành GDMN

Những điều kiện phát triển năng lực tổ chức hoạt động vui chơi của SV ngành GDMN được căn cứ vào những điều kiện sau:

- Căn cứ vào mục tiêu và các nhóm năng lực của chương trình đào tạo SV ngành GDMN của Trường Đại học Tiền Giang [1].

- Căn cứ vào chuẩn nghề nghiệp của GVMN về những yêu cầu năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp [7].

- Căn cứ vào KN TC HĐVC cho trẻ của SV trong quá trình học tập học phần Tổ chức hoạt động vui chơi tại trường sư phạm, thực hành sư phạm (THSP), thực tập sư phạm ở trường mầm non [8]:

- + Hiểu về nội dung kiến thức hoạt động vui chơi;
- + KN thiết kế kế hoạch HĐVC;
- + KN xây dựng môi trường các góc trong HĐVC;
- + KN tổ chức chơi - tập (tiến trình thực hiện);
- + KN tham gia vào trò chơi của trẻ;
- + KN hướng dẫn trẻ chơi;
- + KN xử lý tình huống sư phạm;
- + KN đánh giá kết quả sau khi tổ chức trò chơi.

2.2. Thực trạng công tác giáo dục phát triển năng lực tổ chức hoạt động vui chơi của SV ngành GDMN ở trường mầm non

Chúng tôi tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi kết hợp phương phỏng vấn (30 GVMN); phương pháp nghiên cứu hồ sơ (40 SV) nhằm thu thập các thông tin để phân tích kết quả. Cách thực hiện như sau:

- Phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi khảo sát trên 80 giáo viên, ở 4 trường mầm non tại thành phố

Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang: MN Hoa Hồng, MN Hùng Vương 1, MN Hùng Vương 2, MN Phước Thạnh.
Mục đích tìm hiểu:

+ Mức độ hài lòng của GVMN về thái độ SV TC HĐVC cho trẻ trong đợt thực hành, thực tập sư phạm ở trường MN.

+ Mức độ hài lòng của GVMN về tính chuyên cần của SV trong đợt thực hành sư phạm, thực tập sư phạm.

+ Cách đánh giá: câu hỏi trong phiếu khảo sát ý kiến giáo viên được đánh giá theo tiêu chí với các mức độ được mã hóa ở Bảng 2.1

Bảng 2.1. Bảng điểm về các mức độ trong câu hỏi khảo sát

Điểm	Mức độ	
1	Không thực hiện tốt	Không thuận lợi/khó khăn/quan trọng/hài lòng/khả thi/ cần thiết
2	Ít thực hiện tốt	Ít thuận lợi/khó khăn/quan trọng/hài lòng/khả thi cần thiết
3	Bình thường	Bình thường
4	Thực hiện tốt	Thuận lợi/khó khăn/quan trọng/hài lòng/khả thi cần thiết
5	Thực hiện rất tốt	Rất thuận lợi/khó khăn/quan trọng/hài lòng/khả thi cần thiết

Như vậy, điểm của mỗi tiêu chí trong các câu hỏi thấp nhất là 1 và cao nhất là 5. Các mức độ đánh giá dựa trên điểm trung bình được chia thành ba mức độ (thấp, trung bình, cao) được quy ước ở Bảng 2.2

Bảng 2.2. Bảng quy ước mức độ điểm trung bình

Tên mức độ	Thấp	Trung bình	Cao
Điểm trung bình	1,00 - 2,33	2,34 - 3,67	3,68 - 5,00

Theo bảng 2.2, tác giả phân tích: Nhận định mức độ cần thiết phát triển năng tổ chức hoạt động vui chơi; Mức độ hài lòng của GVMN về thái độ; Mức độ hài lòng của GVMN về tính chuyên cần của SV ở mức độ thấp có điểm giao động từ 1,00 - 2,33; mức độ trung bình từ 2,34 - 3,67 và mức độ cao từ 3,68 - 5,00 điểm.

Từ số liệu thu được, chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS 23.0 để thống kê điểm trung bình (ĐTB); độ lệch chuẩn (ĐLC); tỷ lệ phần trăm (%).

2.3. Đánh giá mức độ cần thiết về năng lực TC HĐVC của SV trong thời gian thực hành, thực tập sư phạm ở trường MN của GVMN

Bảng 2.3. Mức độ cần thiết về việc phát triển năng lực tổ chức hoạt động vui chơi của SV

Trường	SL	GTNN	GTLN	ĐTB	ĐLC
MN Hoa Hồng	20	3,00	5,00	3,70	0,69
MN Hùng Vương 1	20	3,00	5,00	3,65	0,69
MN Hùng Vương 2	20	3,00	5,00	3,70	0,61
MN Phước Thạnh	20	3,00	5,00	3,55	0,44

Dựa trên kết quả đánh giá bảng 2.3 có sự khác nhau giữa trường các trường, trong đó trường MN Hoa Hồng, trường MN Hùng Vương 2 có ĐTB = 3,70 tương ứng với giá mức độ cần thiết rất cao, trong khi đó trường Hùng Vương (ĐTB = 3,65), trường Phước Thạnh (ĐTB = 3,55) có ĐTB ở mức trung bình, tuy nhiên ĐTB đạt điểm tối đa ở mức trung bình, cận ĐTB ở mức cao. Theo đó, sự chênh lệch ĐTB của 4 trường không đáng kể; chúng tôi thực hiện phỏng vấn GVMN về mức độ cần thiết trong việc phát triển năng lực TC HĐVC và nhận được nhiều câu trả lời đồng ý “năng lực TC HĐVC cho trẻ là rất cần thiết và quan trọng”.

Như vậy, đánh giá của GVMN đều có điểm chung cho rằng việc phát triển năng lực TC HĐVC cho SV là cần thiết và quan trọng trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường MN.

2.4. Mức độ hài lòng của GVMN về thái độ SV TC HĐVC cho trẻ trong đợt thực hành, thực tập sư phạm ở trường MN

Bảng 2.4. Mức độ hài lòng về thái độ TC HĐVC của SV trong đợt Thực hành sư phạm, thực tập sư phạm ở trường MN

Tiêu chí	Trường MN	ĐTB	ĐLC	Tiêu chí	ĐTB	ĐLC
1. Chủ động trao đổi với thầy cô hướng dẫn; bạn bè	Hoa Hồng	1,85	0,75	4. Thể hiện vai trò, trách nhiệm	1,90	0,91
	Hùng Vương 1	1,55	0,69		1,55	0,76
	Hùng Vương 2	1,55	0,69		1,70	0,57
2. Tích cực phối hợp/ hợp tác với thầy cô hướng dẫn/ bạn bè	Phước Thạnh	1,35	0,59	5. Tích cực xây dựng, đóng góp ý tưởng	1,40	0,60
	Hoa Hồng	1,70	0,57		1,80	0,70
	Hùng Vương 1	1,65	0,75		1,60	0,82
3. Thể hiện tinh thần vui vẻ, hòa đồng, dễ gần,...	Hùng Vương 2	1,55	0,60	6. Tích cực tham gia HĐ nhóm ngoài giờ trên lớp	1,60	0,60
	Phước Thạnh	1,40	0,60		1,50	0,61
	Hoa Hồng	1,80	0,70		1,85	0,75
	Hùng Vương 1	1,70	0,66		1,50	0,76
	Hùng Vương 2	1,60	0,50		1,65	0,59
	Phước Thạnh	1,50	0,61		1,35	0,49

Kết quả ở bảng 2.4 cho thấy ĐTB của 4 trường cho 6 tiêu chí đạt ĐTB mức độ thấp (ĐTB từ 1,35 đến 1,80), chưa có tiêu chí nào đạt ĐTB ở mức độ trung bình và cao. Điều này, tỉ lệ thuận với câu trả lời cho từng tiêu chí ở cột GTNN là 1 tương ứng với đánh giá không hài lòng về thái độ của SV và GTLN là 3 đồng ý ở mức độ bình thường, không có đánh giá nào về mức độ hài lòng và rất hài lòng.

Như vậy từ kết quả phân tích trên, chúng tôi nhận thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến nhận định của GVMN về thái độ của SV khi TC HĐVC trong thời gian THSP, TTSP ở trường MN. Yếu tố đầu tiên có thể do ảnh hưởng đề thời gian THSP, TTSP của SV

(Xem tiếp trang 314)

biết: Những áp lực về khó khăn trong hoạt động học tập là vấn đề mà bất kỳ học sinh nào đều phải đối mặt, tuy nhiên nếu tình trạng này diễn ra lâu dài sẽ khiến người học mất đi niềm vui, sự hào hứng khi học tập và có nguy cơ mắc phải các vấn đề về rối loạn tâm lý. TS. BS Ngô Anh Vinh cho biết thêm năm 2022, Khoa Sức khỏe Vị thành niên của bệnh viện đã tiến hành nghiên cứu về các rối loạn tâm lý ở học sinh tại một số trường THCS ở Hà Nội cho thấy 38% trẻ được nghiên cứu có các biểu hiện lo âu, 33% bị stress và trầm cảm là 26,1%. Những biểu hiện thể chất này có thể làm trầm trọng thêm những thách thức mà người học phải đối mặt, tạo ra một vòng luẩn quẩn khó chịu và mất tập trung.

Tóm lại, khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập được biểu hiện thông qua các dạng cơ bản của đời sống tâm lý con người là: nhận thức, thái độ, hành vi hay các cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh học. Các mặt biểu hiện này có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau. Do đó trong quá trình học tập, muốn tháo gỡ khó khăn tâm lý cho người học thì cần chú ý quan tâm giải quyết cả ba dạng biểu hiện khó khăn tâm lý trên.

3. Kết luận

Nắm bắt được những biểu hiện của khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập là bước quan trọng hướng tới việc tạo dựng một môi trường giáo dục hòa nhập và phát triển. Giáo viên, phụ huynh và các chuyên gia

giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc nhận biết những dấu hiệu này và cung cấp các nguồn lực cũng như hỗ trợ cần thiết để giúp người học vượt qua những khó khăn thách thức này. Bằng cách thúc đẩy cách tiếp cận toàn diện trong quá trình học tập nhằm giải quyết cả khía cạnh nhận thức và cảm xúc, chúng ta có thể tạo ra một môi trường nơi mọi người học đều có cơ hội phát triển, bất kể những khó khăn tâm lý mà họ có thể gặp phải.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Nhân Ái (2001), *Tìm hiểu khó khăn tâm lý trong quá trình giải bài tập của học sinh lớp 11 trung học phổ thông*, Luận văn thạc sĩ, Trường đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.
2. Hoàng Anh (2007) (chủ biên), *Hoạt động-Giao tiếp-Nhân cách*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Ph. Ăngghen (2004), *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Thanh Bình (1995), *Một số trở ngại tâm lý của giáo sinh thực tập công tác chủ nhiệm*, Tạp chí Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, (Số 1) .
5. Nguyễn Thanh Bình (1996), *Những trở ngại tâm lý của sinh viên thực tập tốt nghiệp với học sinh*, Kỷ yếu Hội thảo thành tựu ứng dụng Tâm lý học, Hội Tâm lý - Giáo dục Viện Nam, lần 2.
6. Nguyễn Thanh Bình (1999), *Một số trở ngại tâm lý trong giao tiếp của giáo sinh khi giảng bài trên lớp*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, (Số 7)

Thực trạng phát triển năng lực tổ chức... (tiếp theo trang 237)

chưa phù hợp hoặc thời gian thực hiện quá ít so với số lượng công việc cần hoàn thành; yếu tố thứ hai có thể do năng lực cá nhân của SV còn thấp, nguyên nhân này do tính chủ quan, chưa chủ động trong việc học tập, thực hiện công việc trong thời gian THSP, TTSP ở trường MN; Yếu tố thứ 3, có thể do SV chưa linh hoạt vận dụng KN sư phạm trong thời gian ở trường MN.

3. Kết luận

Bài viết đã nêu được lý do cần thiết trong việc khảo sát thực trạng phát triển năng lực TC HĐVC cho trẻ của SV cao đẳng GDMN, Trường Đại học Tiền Giang trong quá trình thực hành sư phạm ở trường mầm non; khái quát nội dung lý luận phát triển năng lực TC HĐVC; nội dung phát triển năng lực TC HĐVC và các điều kiện phát triển năng lực TC HĐVC cho SV. Phân tích các vấn đề về thực trạng năng lực TC HĐVC của SV Cao đẳng GDMN trong quá trình thực hành sư phạm ở trường mầm non về kết quả khảo sát ý kiến GVMN đánh giá mức

độ cần thiết phát triển năng lực tổ chức hoạt động vui chơi; mức độ hài lòng của GVMN về thái độ; mức độ hài lòng của GVMN về tính chuyên cần của SV.

Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Tiền Giang (2020), *Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành GDMN*, ngày 20/8/2020, Trường Đại học Tiền Giang.
2. Nguyễn Thị Hương Giang, “*Biện pháp nâng cao năng lực nghề nghiệp cho SV ngành Sư phạm Mầm non nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn*”, 26/09/2016.
3. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (dịch - 2015), *Lý luận dạy học hiện đại*, NXB ĐHS. P.
4. Đỗ Hương Trà (chủ biên) (2015), “*Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh/Quyển 1*”, Khoa học tự nhiên, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Thanh Hà (2006); *Giáo trình Tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non*; NXB GD.